

Nhiều tác giả



ĐỖ HỮU CHÂU

và **3** bài thơ
"tiền chiến"

ĐỖ HỮU

và 3 bài thơ “tiền chiến”

(Nhiều tác giả)

Tài liệu sưu tầm
Tạo eBook: Goldfish
Ngày hoàn thành: 22/06/2014
TVE-4u

MỤC LỤC

Vài lời thưa trước

Đỗ Hữu: Nhà thơ tài hoa bị lãng quên (Huỳnh Ngọc Chiền)

Bài thơ thứ ba của Đỗ Hữu (Hò Công Trường)

Thư của Nguyễn Xuân Thâm gửi tạp chí Kiến thức ngày nay

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thâm (Đỗ Chu)

Nguyễn Xuân Thâm ‘lặng lẽ tìm trầm’ (Vũ Từ Trang)

Nhà thơ Đỗ Hữu là ai? (Phú Vinh)

Vài lời thưa trước

Tháng 01 năm 2008, tôi đã tạo hai eBook, cả hai đều đăng trên TVE và đều “thất lạc”:

1. *Đỗ Hữu: Nhà thơ tài hoa bị lãng quên* của Huỳnh Ngọc Chiến, trong đó tác giả giới thiệu hai “tuyệt tác” *Sầu Ai Lao* và *Chiều Việt Bắc* của Đỗ Hữu. Theo Huỳnh Ngọc Chiến thì hai bài đó “được in trong phần phụ lục cuốn *Một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan* của Bùi Giáng (NXB Tân Việt, 1957)”.

2. *Bài thơ thứ ba của Đỗ Hữu* của Hồ Công Trường, trong đó tác giả giới thiệu thêm bài thơ *Nắng ngút đường dài* của Đỗ Hữu. Hồ Công Trường cho biết: “Đây là 100% nguyên tác, cả hình thức từ các chữ viết hoa hay không viết hoa cho đến từng dấu chấm, phết. Bài thơ đăng trên trang 21 tuần báo *Đời Mới* số 108, ra ngày 8.4.1954, ấn hành tại 117 Trần Hưng Đạo – Chợ Quán - Chợ Lớn”, và “Sau bài *Nắng ngút đường dài...*, đến số 114 (phát hành ngày 20.5.1954) tại trang 22, báo cho đăng bài *Chiều Việt Bắc...*”. Cũng trong eBook đó, tôi còn chép thêm một đoạn trích trong bài *Miên man tùy bút – Kỳ II* của Đỗ Chu viết về nhà thơ Nguyễn Xuân Thâm vì tôi đoán rằng Nguyễn Xuân Thâm chính là Đỗ Hữu mặc dù tác giả không nói đến bút danh Đỗ Hữu. Đỗ Chu bảo: “Anh Thâm với bút danh Dao Ca đã gửi thơ in trên tờ *Đời mới...*”, và dẫn mấy câu thơ sau đây: “*Giữa ngày lạc lõng trên rừng rậm, với nắng băng khuâng mây thuở nào, với núi xanh lơ chồi tím nhạt, mây trời bàng bạc sầu Ai Lao!*”. Bốn câu đó, tuy Đỗ Chu không nêu nhan đề bài thơ, nhưng lại giống hệt với bốn câu trong bài *Sầu Ai Lao* của Đỗ Hữu (bài thơ này gồm 20 câu) đã được Huỳnh Ngọc Chiến giới thiệu.

Nay, trong eBook này, tôi chép lại các bài viết của Huỳnh Ngọc Chiến, Hồ Công Trường, Đỗ Chu, và chép thêm: thư của Nguyễn Xuân Thâm gửi tạp chí *Kiến thức* ngày nay, bài *Nguyễn Xuân Thâm lặng lẽ tìm trầm* của Vũ Từ Trang, và bài *Nhà thơ Đỗ Hữu là ai?* của Phú Vinh để chúng ta biết thêm về nhà thơ Đỗ Hữu và ba bài thơ “phảng phất hồn khí thơ tiền chiến”^[1]: *Nắng ngút đường dài*, *Sầu Ai Lao*, *Chiều Việt Bắc*.

Goldfish

22/06/2014

Đỗ Hữu: Nhà thơ tài hoa bị lãng quên

Tặng đại ca Nguyễn Hiếu Học

Mộng Liên đường chủ nhân, trong bài tựa *Truyện Kiều*, đã viết “*Tài mà không được gặp gỡ, tình mà không được hả hê, đó là căn nguyên của hai chữ đoạn trường vậy*” (Trần Trọng Kim dịch). Có tài mà không được gặp gỡ, đành phải đem chôn cuộc đời vào những chốn tầm thường dung tục, chịu cảnh vùi lấp của bao sự đời nhố nhếch, từ ngàn xưa vẫn là bi kịch của kẻ tài hoa. Người xưa gọi đó là “*Không cốc u lan*” (Cánh hoa lan u buồn nơi cốc vắng), tức là cảnh ngộ “*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm, Đem gởi hương cho gió phụ phàng, Mất một đời thơm trong kẽ núi, Không người du tử đến nhằm hương*” (Xuân Diệu). Những tài năng bị vùi lấp đó thường phát tiết anh hoa ra ngọn bút, để tạo nên những vẻ đẹp hoặc bi tráng hoặc thiết tha cho cuộc sống, khiến ý nghĩa cuộc đời càng trở nên thâm thẳm, mệnh mông.

Song cũng có những trang tài tử đem hết tài hoa để gởi lại cho đời những trang diệu bút, mà lại bị người đời quên lãng một cách quá đỗi bất công. Bên cạnh nhà thơ Lý Hạ của Trung Quốc, tôi muốn nói đến nhà thơ Đỗ Hữu của Việt Nam.

Tôi đã tìm tòi bao năm, kể cả trên mạng Internet, mà chỉ được một ít thông tin quá mơ hồ về Đỗ Hữu. Nhà thơ tiền chiến này chỉ được nhắc đến một cách tình cờ và được nhận xét chung chung “*hay hơn thơ Quang Dũng*”, thậm chí những câu thơ tuyệt diệu của ông còn bị đem gán cho người khác! Không biết thuở sinh tiền ông có thấy cay đắng hay không, nhưng mấy mươi năm sau, kẻ hậu học là tôi vẫn không khỏi cảm thấy ngậm ngùi cho một nhà thơ tài hoa tốt bậc bị lãng quên.

Thế hệ chúng tôi, do những biến động của lịch sử, đã không có điều kiện tìm tòi và viết về Đỗ Hữu đã đành, nhưng không hiểu sao thế hệ đàn anh sao lại quá thờ ơ với ông. Tôi đã cất công sưu tầm bao nhiêu năm, nhưng cũng không tìm được thêm gì ngoài hai bài “*Chiều Việt Bắc*” và “*Sầu Ai Lao*”, được in trong phần phụ lục cuốn *Một vài nhận xét về Bà Huyện Thanh Quan* của Bùi Giáng (NXB Tân Việt, 1957). Hai bài đó, tôi chỉ được đọc sau khi sách ra đời hơn mười lăm năm, và chúng đã để lại trong tôi dấu ấn không thể phai mờ. Điều làm tôi ngạc nhiên, thậm chí giận dữ là sau này, trong hai cuốn ghi chép tản mạn thượng thừa về thi ca là *Đi vào cõi thơ* và *Thi ca Tư*

tuồng, lại không thấy nhà thơ Bùi Giáng nhắc đến Đỗ Hữu, dù trong đó, có lúc ông đã bốc đồng ca ngợi không tiếc lời những nhà thơ rất đổi xoàng xĩnh hoặc vô danh. Nhà thơ họ Bùi đã quên mất người bạn cố tri mà ông đã từng trân trọng và gắn bó bằng những tình cảm đậm thắm từ thời bắt đầu cầm bút!

Bởi vậy, tôi cảm động xiết bao khi một lần về chơi ở đất Bình Dương, một người bạn già vong niên chuyên nghiên cứu văn học khoe với tôi bài thơ “Chiều Việt Bắc” được chép trong cuốn sổ tay, gồm những bài thơ hay và lạ do anh sưu tập. Nhìn nét chữ nắn nót, bay bướm trên trang giấy của một người yêu thơ đã bước vào tuổi “*cổ lai hy*”, ta mới thấy được tấm lòng trân trọng của anh dành cho bài thơ và cho tác giả. Có lẽ lúc đó anh cũng không nghĩ rằng tôi đã biết và đã yêu bài thơ này cách đó hơn ba thập kỷ, bởi cái tên Đỗ Hữu vẫn còn quá lạ lẫm đối với không ít những người làm thơ và yêu thơ của nhiều thế hệ.

Thi ca – tôi chỉ muốn nói đến thi ca đúng nghĩa – quả là vưu vật đáng trân trọng của trần gian. Một dân tộc không còn biết yêu thi ca, hoặc lạm dụng thi ca quá mức, là nền văn hóa đã đến lúc suy đồi. Đoàn Phú Tứ được nhắc đến như một tài năng thi ca lớn, chỉ với một bài “Màu thời gian”. Thế thì vì đâu mà bao nhiêu năm qua, chúng ta lại lãng quên Đỗ Hữu với hai tuyệt tác “Sầu Ai Lao” và “Chiều Việt Bắc”, mà nhiều người cho rằng còn hay hơn cả thơ Quang Dũng?

Tôi xin phép được ghi toàn văn hai bài thơ đó ra đây, như một lời cảm tạ Đỗ Hữu về những cảm xúc diệu kỳ, mà thơ ông đã đem lại cho tôi, giữa một buổi chiều xa xưa ở vùng trung du xứ Quảng.

Sầu Ai Lao

*Đã lâu trắng cút vàng hiu hắt,
Mây cút sầu tuôn núi võ vàng.
Lá vẫn pha chàm trên sắc áo,
Mưa nguồn thác đổ đá mù sương.*

*Giữa ngày lạc lõng trên rừng rậm
Với nắng băng khuâng mấy thuở nào
Với núi xanh lơ, chòi tím nhạt
Mây trời bàng bạc sầu Ai Lao.*

*Lưng đeo quán gió mờ hun hút
Thôn bản nằm lơ dưới nắng chiều
Tai vẫn nghe đều dòng thác đổ*

Người ơi, thương nhớ biết bao nhiêu!

*Ở đây hơi đá chiều vầy khắp,
Khép chặt mình tôi giữa núi rừng.
Buồn quá ngày đi, đêm trở lại,
Hoàng hôn hoa bản phấn rưng rưng.*

*Người có theo tôi lên dốc nắng,
Nhìn xem hoa rải sắc trên đường.
Chiều nay gió thổi buồn ghê lắm,
Lá đổ sau chân một lối vàng.*

Chiều Việt Bắc

*Nắng xuống phương nào người thấy không?
Mà đây chiều tím rưng song song
Vàng tuôn mây lối ngày thu muộn,
Ai liệm hoàng hôn kín mắt trong?*

*Khói thuốc lên mờ xanh bóng ai
Phương xa chiều xuống ngút sông dài
Đường kia có phải sâu xưa động?
Trở bước, hoa lau trắng ngập đồi.*

*Con đường đất đỏ mờ sau bản
Thung lũng vàng lơ, nắng trở chiều.
Núi biếc chập chùng vầy ải lạnh
Dặm về lá đỏ phấn tàn xiêu.*

*Rừng núi âm u chiều Việt Bắc
Chầy ngày lạc bước, ai ngồi than.
Buồn xưa chiều động sâu lau lách.
Chòi cũ nằm nghe gió dặm trường*

Đã mấy mươi năm qua, nhạc điệu của hai bài thơ vẫn mãi ám ảnh tôi, nghe như nhạc điệu trong bài “Đôi bờ” của Quang Dũng. “*Thương nhớ ơ hờ, thương nhớ ai? Sông xa từng lớp lớp mưa dài... Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa, Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ, Thoáng hiện em về trong đáy cốc, Nói cười như chuyện một đêm mơ*”. Song trong hai bài thơ của Đỗ Hữu dường như trĩu nặng nỗi sầu cô lữ hơn cả “Đôi bờ”, và bàng bạc nỗi “*mang mang thiên cổ sầu*” trong hồn thơ Huy Cận.

Giai đoạn xa nhà để nổi trôi theo nợ áo cơm, một chiều đứng giữa rừng

núi điệp trùng của một miền cao xứ Quảng, giữa “*núi biếc chập chùng*”, giữa “*Buồn xưa chiều đọng sầu lau lách*”, khi một mình lẫm lũi trên “*Dặm về lá đỏ phấn tàn xiêu*”, khách lữ thứ chợt cảm nhận ra nỗi buồn điệu vợi mênh mông. Không phải là nỗi “*Tư cố hương*” nhớ quê nhà hay là “*Sầu tương tư*” một bóng hình nào chia xa biệt. Không! Nó mênh mông man mác, nó tràn ngập cả hồn khách bằng nỗi sầu hoài cổ, bằng niềm dự cảm xót xa về cảnh đời hư ảo, về sự mong manh của tình yêu, về sự phù du của một kiếp người. Một nỗi buồn mênh mông như nỗi buồn trong “*Chiều xưa*” của Huy Cận: “*Buồn gieo theo gió veo hồ, Đèo cao quán chật, bến đò lau thưa, Đồn xa quần quai bóng cò, Phát phơ buồn tự ngày xưa thối về....*”. Sống trong đời, tôi cho đó chính là những phút giây hạnh ngộ, vì có khi chỉ trong những lúc ấy, chúng ta mới có cơ duyên cảm nhận hết được ý nghĩa kỳ diệu của thi ca. Cảnh vật tác động vào tâm hồn khiến những câu thơ như ngân lên những âm thanh huyền hoặc, và để lại những hình ảnh lắng đọng mà suốt đời ta không sao quên được. Và nó hé mở cho ta thấy ý nghĩa của cõi đời nhiều hơn là những trang luận thuyết dài dòng rối rắm về triết học, hay những trang kinh nặng nề màu sắc siêu huyền.

Một buổi chiều đi lao động lấy củi, đứng giữa cảnh núi rừng, đột nhiên những câu thơ của tràn ngập trong hồn tôi, giữa ánh hoàng hôn đang dần tắt lịm, giữa núi đồi chập chùng. Khắp cả núi đồi, khắp cả đất trời như đắm chìm theo nỗi sầu bàng bạc. “*Với núi xanh lơ, chời tím nhạt, Mây trời bàng bạc sầu Ai Lao*”. Không phải là nỗi sầu *Ai Lao* mà là nỗi sầu cô lữ. Tự nhiên tôi thấy mình sao mà cô độc, sao mà lẻ loi giữa đất trời, và chợt cảm thấy mình sao như tên Do Thái đang lang thang phiêu bạt qua cõi đời để tìm về một vùng Đất Hứa mơ hồ, giữa những “*Lá đỏ sau chân một lối vàng*” và “*Hoàng hôn hoa bản phấn rừng rưng*”!

Giai điệu câu thơ “*Mây trời bàng bạc sầu Ai Lao*” nghe sao mà buồn đến mênh mông điệu vợi. Câu thơ có một âm trầm duy nhất, nhưng đọc lên lại nghe êm dịu như những câu thơ toàn vần bằng trong bài “*Tỳ bà*” của Bích Khê. “*Ô hay buồn vương cây ngô đồng, Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông*”! Câu thơ tuyệt diệu của Đỗ Hữu khiến cả xác thân ta như tan đi trong nỗi sầu bàng bạc giữa cảnh “*Chiều nay gió thổi buồn ghê lắm*”.

“*Nắng xuống phương nào người thấy không? Mà đây chiều tím rụng song song*”, ta nghe như cả không gian với bầu trời hoàng hôn tím ngát như cùng rụng xuống với câu thơ. Không phải thương nhớ một người, mà thương nhớ cả không gian. Hình ảnh người yêu đã hóa thân vào nắng chiều, vào khói

thuốc để cùng tình yêu bay lên những vùng trời chiêm bao sương khói. *“Khói thuốc lên mờ xanh bóng ai, Phương xa chiều xuống ngút sông dài”*. Nơi phương tôi chiều tím đang rụng xuống, nơi phương người cũng đang bàng lảng bóng hoàng hôn. *“Mây phương tôi mộng xuống phương người”* (H.N.). Hãy ngồi tĩnh lặng giữa bóng chiều hôm để cùng tìm gặp nhau trong cõi nhớ. Hồn thơ đã khiến cho không gian trở nên bao la hơn, nỗi sầu man mác hơn và khiến cho con người càng thấy nhỏ bé hơn trong nỗi sầu cô lữ. Và chính trong sự nhỏ bé ấy, trong niềm khắc khoải ấy, ta càng nhận ra ý nghĩa mệnh mang của cõi đời, vốn đã bị cuộc sống xô bồ vùi lấp trong tiếng huyên náo của ngựa xe. Không biết rồi mai đây, những nỗi sầu của thế hệ “hiện đại” có tìm thấy được mình trong những vần thơ ngậm ngùi sâu lắng kia không, để cùng sẻ chia một chút ý nghĩa đời?

Tôi về, nằm trong lán trại, trong ánh đèn dầu leo lắt, suốt đêm nghe tiếng côn trùng rả rích, tôi mới cảm nhận được sự mệnh mang của nỗi sầu cô lữ. *“Tai vẫn nghe đều dòng thác đổ, Người ơi, thương nhớ biết bao nhiêu”*. Không có tiếng thác đổ, chỉ có tiếng gió lạnh xào xạc từng cơn trong kẽ lá, giữa vầng trăng sơ huyền ảm đạm *“Đã lâu trăng cứ vàng hiu hắt, Mây cứ sầu tuôn núi võ vàng. Lá vẫn pha chàm trên sắc áo, Mưa nguồn thác đổ đá mù sương”*, khiến tôi cảm thấy thêm lạc loài cô độc, và thêm thương nhớ băng khuâng. *“Người ơi, thương nhớ biết bao nhiêu”*. Không phải thương nhớ một bóng hình, mà là băng khuâng thương nhớ về một cõi nào đó rất đời mơ hồ và xa muôn trùng trong tâm tưởng. Cõi nào? Tôi không rõ. Người ơi! *“Đêm nay gió thổi buồn ghê lắm”*. Tôi trần trọc suốt đêm, ghi lại cảm xúc của mình bằng hai câu thơ: *“Chung dạ trùng thanh thiết, Mang mang cô lữ sầu”*, rồi tự dịch: *“Suốt đêm rả rích tiếng trùng, Kiếp cô lữ nặng nỗi buồn mệnh mang”*. Và chợt thấy thêm thấm thía những câu thơ nói về cảnh đời lữ thứ trong cõi Đường thi.

Thơ Đỗ Hữu khiến ta tưởng chừng như đang nghe lại những câu thơ thiết tha trong “Đôi bờ” của Quang Dũng. Không biết ai đã chịu ảnh hưởng của ai, vì chúng ta hoàn toàn không biết được hai bài thơ của Đỗ Hữu ra đời từ năm nào. Có người cho rằng Đỗ Hữu làm thơ trước cả Quang Dũng. Song điều đó không quan trọng, vì chỉ có những kẻ tài hoa mới có thể chịu ảnh hưởng của nhau theo lẽ *“thanh khí ứng cầu”* trong sáng tạo. Chỉ có những tâm hồn tài hoa như Quang Dũng và Đỗ Hữu mới có thể sáng tạo nên những vần thơ mệnh mang đến thế. Còn kẻ bất tài khi bắt chước vẫn luôn cho ta thấy hằn đang khoắc cái áo không lồ lên thân thể tí hon.

Không biết trong thi ca Việt Nam có còn những câu thơ nào đẹp hơn, đậm thắm hơn, mệnh mông hơn thế nữa hay không? Nhưng chỉ cần những câu thơ của Đỗ Hữu hay Quang Dũng còn sống thì ta vẫn còn giữ trọn vẹn niềm tin tuyệt đối vào hồn thơ Việt!

Đỗ Phủ từng nói: “*Văn chương thiên cổ sự, Đắc thất thốn tâm tri*” (*Văn chương là chuyện ngàn năm, Được hay mất chỉ tắc lòng biết thôi*). Tôi tin rằng hai bài thơ của Đỗ Hữu không chỉ có “*Thốn tâm tri*”, mà nó sẽ được nhiều người biết đến, và trân trọng như là những tặng vật quý báu của một tâm hồn tài hoa trong cõi thơ tiền chiến.

Huỳnh Ngọc Chiến - 7/2007

(Nguồn: website Talawas)

Bài thơ thứ ba của Đỗ Hữu

Ngày 30.7.2007, KTNN có bài viết về nhà thơ Đỗ Hữu của tác giả Huỳnh Ngọc Chiến, phân tích rất cảm động hai bài thơ *Sầu Ai Lao*, *Chiều Việt Bắc* của Đỗ Hữu.

Lần đầu tiên gặp mấy bài thơ của Đỗ Hữu, tâm trạng của chúng tôi cũng giống như ông Huỳnh Ngọc Chiến 30 năm về trước: “một cảm xúc kỳ diệu”, dù chưa nghe nói tới tên tuổi nhà thơ này bao giờ.

Bài thơ thứ ba sau hai bài *Sầu Ai Lao* và *Chiều Việt Bắc*, có tựa là **Nắng ngút đường dài**. Riêng đây, chúng tôi xin được trang trọng gửi tới quý bạn yêu thơ, đến ông Huỳnh Ngọc Chiến và ông cụ “Cổ Lai Hy đất Bình Dương”:

Nắng ngút đường dài...

*Nắng ngút đường dài, hoa gạo bay,
Tôi người lữ khách, lạc sau ngày.
Đường xa nắng lửa, chiều hun hút,
Quán đứng lưng đèo, núi tiếp mây.
Thác đã sầu buồn đường nắng trở,
Lưng trời khép chặt núi và mây,
Đèo cao gió thổi, chòi heo hút,
Dặm cũ chiều đi thương nhớ đây.
Nắng đổ tràn lên đường lối cũ,
Đường dài hoa gạo đỏ rưng rưng.
Lá chàm bay lá trên vai rách,
Áo bạc hồng lên lớp bụi rừng.
Có phải hồn ngây trong núi thẳm?
Rừng chàm lá đỏ lối xanh tuôn.
Điêu hiu khói cỏ chiều ai đốt,
Ngày dựng cô liêu giữa xứ buồn.*

Đây là 100% nguyên tác, cả hình thức từ các chữ viết hoa hay không viết hoa cho đến từng dấu chấm, phết. Bài thơ đăng trên trang 21 tuần báo *Đời Mới* số 108, ra ngày 8.4.1954, ấn hành tại 117 Trần Hưng Đạo – Chợ Quán - Chợ Lớn. Chủ nhiệm: Trần Văn Ân. Cũng số báo này, mục hộp thư toà soạn

trả lời... “*Các bạn Ty Du, T.T (Dalat), Phan danh Quang, Bảo Kim, Tinh Huyền, Đỗ Hữu, Thế Phong: Bài các bạn đã nhận được*”.

Sau bài *Nắng ngút đường dài...*, đến số 114 (phát hành ngày 20.5.1954) tại trang 22, báo cho đăng bài *Chiều Việt Bắc*. Bài thơ có 16 câu, nhưng 8 câu giữa không biết lý do gì không thấy ngắt ra 2 khổ, còn khổ cuối tôi xin chép lại cho đúng nguyên tác như sau:

*Rừng núi âm u **sầu** Việt Bắc* (mặc dù nếu sửa lại “**chiều**” nghe hay hơn)
Chầy ngày lạc bước ai ngòi than.
*Buồn xưa chiều đọng **ngàn** lau lách,*
Chòi cũ nằm nghe gió dậm trường.

Riêng bài *Sầu Ai Lao* khoảng 30 năm trước chúng tôi cũng chép ra từ báo *Đời Mới*, nay cần tìm lại thì không gặp nữa vì xấp báo cũ mục nát nhiều quá! Rất tiếc không biết đã đăng trên số báo nào, ngày nào nhưng cũng trong khoảng từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1954.

Chúng tôi nghĩ, toà soạn *Đời Mới* trả lời Đỗ Hữu “*bài đã nhận được*” ở số báo 108 có thể là một loạt 3 bài thơ mà chúng ta ngưỡng mộ nói trên, vì nội dung lẫn bối cảnh na ná nhau, cũng có “*chòi*” có “*đèo*” có “*quán*”... Còn bối cảnh vừa Việt Bắc, vừa Ai Lao vừa “*ải lạnh*” cho phép ta nghĩ đến vùng Sơn La, Điện Biên, Lai Châu?

Cũng xin nói thêm, bài thơ “*Nắng ngút đường dài...*” lên báo khi mặt trận Điện Biên Phủ đã diễn ra 26 ngày và đang hết sức ác liệt, đồng thời quân đội Việt Minh đánh rải rác khắp nơi trên đất nước. Còn bài “*Chiều Việt Bắc*” lên báo lúc chiến trường Điện Biên Phủ đã kết thúc 13 ngày. Ban đầu chúng tôi đoán Đỗ Hữu là một chiến sĩ Việt Minh như Quang Dũng, Huy Cận, nhưng lúc này chiến trường đang ác liệt thì ai mà rảnh để làm thơ đăng báo ở Sài Gòn? Như vậy thì không biết thi sĩ đang làm gì mà phiêu lãng ở núi rừng Việt Bắc, chòi cao heo hút, quán đứng lưng đèo bên xứ Ai Lao năm 1954...

Thực ra mỗi bài thơ của Đỗ Hữu chỉ nằm khiêm tốn trong một cột báo ở trang thơ của bạn đọc bốn phương, bên cạnh những bài thơ, rất hay cũng có, trần trở thời thế cũng có, mà than thở chồng bỏ vợ bỏ vợ vẫn cũng có! Trong đó có cả Kiên Giang, Tô Thuỳ Yên, Nguyễn Bính...

Cái điều đáng lưu ý ở chỗ cùng một lúc mà nhiều người quan tâm đến nó, lại có cả “*Trung Niên Thi Sĩ*” Bùi Giáng, có thể khẳng định tài hoa của Đỗ Hữu. Tài hoa như vậy lẽ nào chỉ viết được có 3 bài thơ trong đời? Nhưng đã 53 năm trôi qua, người thơ đó không tái xuất thi đàn một lần nào nữa! Và

cũng không để lại cho đời thêm chút thông tin nào về mình!

Vấn đề tưởng đã chìm vào mớ bụi thời gian, nay may sao, được ông Huỳnh Ngọc Chiến khơi lại, xin được cảm ơn ông. Ba bài thơ của Đỗ Hữu chúng tôi không dám nói hay hơn thơ Quang Dũng, nhưng chắc *hay* hơn và *thi vị* hơn rất nhiều bài thơ khác. Thiết nghĩ, những người yêu quý thơ Việt thời kỳ trước, nếu chưa, cũng nên cập nhật vào trang sưu tập thơ của mình những dòng thơ Đỗ Hữu bên cạnh Quang Dũng, Huy Cận, Hoàng Cầm, Tế Hanh, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính... có lẽ cũng xứng đáng lắm. Còn câu hỏi về lai lịch nhà thơ xin hãy tạm để đó, hy vọng sẽ có người bổ sung về sau.

Hồ Công Trường

(Tập chí *Kiến thức ngày nay* số 627, ngày 10.1.2008)

Thư của Nguyễn Xuân Thâm gửi tạp chí *Kiến thức ngày nay*

Mất hút nửa thế kỷ, nay tôi mong muốn được một lần ký lại bút danh Đỗ Hữu. Một Đỗ Hữu của Đời Mới ngày nào ở Sài Gòn. Tháng 4.1954, tôi đưa nhà thơ Như Trĩ (luật sư Bùi Chánh Thời thuộc thành phần thứ 3 như bà Ngô Bá Thành) lên chiến khu Hoà Mỹ, chiến khu Bắc Thừa Thiên. Từ đấy, Dao Ca Đỗ Hữu không còn xuất hiện trên báo Đời Mới, Nhân loại, Mới... nữa. Tôi được đưa ra học ở Hà Nội, sau đấy dạy ở Trường Đại học Bách Khoa và Instituto Medio Agra-précuario Huambo – Angola. Khi ở Hà Nội, tôi ký tên Nguyễn Xuân Thâm để qua Đài Tiếng nói Việt Nam, người nha nghe được biết tôi còn sống.

Năm 2007-2008, hai anh Huỳnh Ngọc Chiến, Hồ Công Trường đã giới thiệu 3 bài thơ của tôi trên Tạp chí Kiến Thức Ngày Nay (Sầu Ai Lao, Chiều Việt Bắc, Nắng ngút đường dài), tôi xin trân trọng cảm ơn Toà soạn và hai anh.

Xuân Thâm

(Tạp chí *Kiến thức ngày nay*, số 800, ngày 01.11.2012, mục “Bạn đọc – Cộng tác viên & Kiến thức ngày nay”, trang 55)

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thâm^[2]

Giáp Tết Đinh Hợi, một ngày nồm nức như sắp vào hè, Văn phòng Hội Nhà văn đã tổ chức bữa cơm thân mật, là để chia tay với một năm cũ quá nhiều rắc rối vụn vặt, và để đón một năm mới với những cố gắng mới.

Thành phần khách mời là những người đã và đang công tác ở cơ quan Hội. Người đang công tác đứng ra làm chủ mời khách, còn những vị hôm qua từng đã là chủ thì nay đóng vai thực khách.

Tôi là người thuộc diện sắp nghỉ hưu nên vừa là chủ lại vừa là khách, làm chủ được mời khách mà làm khách được chủ mời. Tôi chọn thời điểm chín giờ để đến cơ quan, chẳng phải khách mà cũng không phải chủ, khách sẽ đến muộn, còn chủ thì đến sớm.

Đang ngồi tào lao thiên địa với nhau thì trông thấy anh Nguyễn Xuân Thâm từ đâu lò dò hiện ra. Anh bắt tay lần lượt từng người, chậm rãi, trịnh trọng như vừa đi họp Trung ương về. Rồi anh khoe Tết này có năm sáu bài thơ in khắp các báo trong Nam ngoài Bắc.

Không cần chờ ai phải đề nghị, anh vừa xòe diêm hút thuốc vừa đọc băng quơ mấy câu: “Trưa như bao trưa xa xăm, gà gáy lẻ trong im ắng, nắng thôi vàng hôn ngày ngõ xóm, đầy lá vông vang”. Thật là đẹp như một mảng tranh ấn tượng.

Ngồi chưa kịp nóng chỗ anh đã đứng dậy toan đi. Hóa ra ngang qua đây vui chân thì tạt vào chứ anh ấy đâu có biết là nhà sắp có cỗ. Tôi liền kéo anh ngồi lại rồi nói, việc anh có mặt hôm nay ở đây là mang một ý nghĩa lớn, chúng tôi mừng anh đã thoát hiểm nghèo, nhà văn phải thế, rất lãng mạn và ung dung.

Đồng chí Chánh văn phòng mở ngăn kéo rút ra tờ giấy mời, điền vội tên anh vào đó, đặt tờ giấy lên tay anh và nói thật trù mến, kính trọng bác đã phá được một cái án tử hình, ở đời ai cũng có lúc gặp những cảnh ngộ nào nề, hơn nhau là khí phách.

Có một nhà văn cao tuổi cũng đang ngồi đó, nãy giờ bơ vơ nhìn đi đâu, đôi tai dài và đẹp như tai Phật dỏng lên nghe ngóng. Bất chợt ông ghé vào tôi hỏi thăm, Xuân Thâm phải ra tòa thật sao, dạo này anh em mình mắc vòng

quan tụng nhiều hỉ!

Tôi cười lớn, để ông cụ yên tâm tôi liền giải thích, mấy năm trước anh ấy bị ung thư hàm mặt, mổ đi mổ lại mấy lần, nhìn khuôn mặt méo mó thế kia đủ rõ, là người vừa từ cõi chết trở về.

Cụ già gật đầu cười với anh Thâm, ông cụ nói, mừng!

Anh Nguyễn Xuân Thâm người Thừa Thiên, làng An Thuận, huyện Hương Trà, sinh 1936 tháng Giêng dương lịch, tức là giáp Tết Ất Hợi, cùng một ngày với Hoàng thái tử Bảo Long con trai cả của ngài Bảo Đại.

Chỉ tiếc không được cùng giờ, mà trong một lá tử vi thì giờ còn quan trọng hơn cả ngày, ngày lại quan trọng hơn tháng, tháng quan trọng hơn năm.

Giờ sinh khác nhau cho nên khi trưởng thành một người thì qua Paris làm việc trong ngành ngân hàng còn một người thì mò ra Hà Nội để làm nhà thơ.

Vậy là Tết này, Tết Đinh Hợi anh Thâm bước vào tuổi bảy mươi ba, vượt qua cái ngưỡng “thất thập cổ lai hy” mà cụ Đỗ Phủ đã từng bàn. Phải biết anh là một người hiền, sẵn mang trong mình cái khí Thi Thư từ nhỏ thì mới hiểu được vì sao đến hôm nay anh còn ngồi đây.

Anh vốn là học sinh trường Quốc học Huế từ năm 1948 đến năm 1954. Lúc đó ở Huế có vài tờ báo, trong Sài Gòn thì vô thiên lủng, Sài Gòn là đất báo, họ đã làm báo sớm hơn Hà Nội vài mươi năm, sớm nhất là tờ *Gia Định báo*.

Anh Thâm với bút danh Dao Ca đã gửi thơ in trên tờ *Đời mới* và tờ *Thâm mỹ* ở Huế, gửi truyện ngắn in trên tờ *Nhân loại* ở Sài Gòn. Gửi hủ họa mà họ in thật mới hay chứ. Hỏi sao anh lại lấy bút danh là Dao Ca thì anh chỉ ngẩn ra cười mà không nói.

Có lẽ Dao Ca là khúc đồng dao, anh đã nguyện làm một người hát rong trên đời và làm những bài đồng dao cho trẻ nhỏ của các làng mạc xa xôi vừa nhảy lò cò vừa hát, nếu thế thì còn gì bằng.

Ai chả hiểu những bài thơ của Nguyễn Xuân Thâm thuở ấy vẫn chỉ là những bài thơ học trò học chẹt, mơ mộng và man mác. Dầu sao nó cũng đã đủ khiến nhóm nữ sinh áo tím Đồng Khánh mỗi lần gặp anh cô nào cô ấy đều co rúm cả người, mặt cắt không còn hột máu, hồi hộp không sao thở được.

Nhưng mặc họ, anh đưa mắt nhìn ngắm những con đò ngoài sông. Thơ anh viết ra đâu phải để tán tỉnh mấy cô, đây là anh đang hướng về kháng

chiến, nhớ tới chiến khu xa vời. Thơ rằng, “*Giữa ngày lạc lõng trên rừng rậm, với nắng băng khuâng mấy thuở nào, với núi xanh lơ chồi tím nhạt, mây trời bàng bạc sầu Ai Lao!*”

Đỗ Chu

(Trích *Miên man tùy bút – Kỳ II*,

<http://vietbao.vn/Van-hoa/Mien-man-tuy-but-Ky-II/70082271/181/>, ngày
07.04.2007)

Nguyễn Xuân Thâm ‘lặng lẽ tìm trầm’



Gặp ông, tôi thêm nhớ không khí văn chương Hà Nội một thời.

Những năm 1964, 1965, Nhà xuất bản Văn Học cho in tập thơ “Sức Mới 1”, “Sức Mới 2” để tập hợp và khẳng định lớp nhà thơ trẻ ra đời trong nền văn học xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, năm 1967, lại cho in tập “*Thơ chống Mỹ cứu nước, 1964-1967*” do nhà thơ Chế Lan Viên tuyển chọn và giới thiệu. Tác giả nào được in trong tập tuyển này, thì vinh dự vô cùng. Nhiều nhà thơ trẻ chỉ được trích mấy câu, hoặc được chọn in một bài, đã được coi khẳng định tài năng của mình. Có tám nhà thơ trẻ đạo ấy được in hai bài trong tập, như: Thái Giang, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Lưu Quang Vũ, Phạm Ngọc Cảnh, Văn Thảo Nguyên, Hoài Anh và Nguyễn Xuân Thâm. Khi ấy, tôi chưa được biết Nguyễn Xuân Thâm, nhưng đọc thơ ông, thì đã nể rồi.

Còn nhớ độ ấy, tôi được nhà thơ Trường Giang tặng bức ảnh chụp nhóm anh em làm thơ trẻ ở Hà Nội bên Tháp Bút, cầu Thê Húc. Đạo ấy anh em viết ở Hà Nội hay gặp gỡ nhau, quy tụ thành từng nhóm, cùng bàn bạc, trao đổi và đốc thúc nhau viết. Là kẻ mới tập tễ bước chân vào con đường văn chương, nhìn tấm ảnh các bậc đàn anh, tôi nể trọng lắm. Trong số gần chục anh chị em cười tươi roi rói trong ảnh cùng nhà thơ Trinh Đường, có một người thấp đậm với nét mặt nghiêm nghị, tôi chưa nhận ra ai, thì anh Trường Giang nói, đây là nhà thơ Nguyễn Xuân Thâm. Tôi à lên bất ngờ. Vậy là ông nhà thơ của hai bài thơ “*Rông chiêng*” và “*Cái chết của em Dân*” in trong tuyển thơ, được nhà thơ Chế Lan Viên quý trọng giới thiệu đó ư? Phải nói hai bài thơ ngày ấy đã ám ảnh tôi. Âm nhạc và vũ điệu Tây Nguyên hừng hực trong từng câu thơ. Đặc biệt, hình tượng em Dân chết vì bom giặc thả vào lớp học, khi trong túi áo em còn hai củ khoai chưa kịp ăn. Lời thơ lạnh, chắc, như những nét dao sắc cửa đứt khoát vào tâm trí người đọc. Bài thơ là một nỗi niềm phản kháng chiến tranh quyết liệt, âm ỉ và đau xót.

Ngày ấy, ông đang là giáo viên khoa hóa thực phẩm của trường Đại học

Bách khoa, một trường sáng giá ở Hà Nội. Nếu chỉ tiến thân bằng con đường nghiên cứu và giảng dạy ở nhà trường, thì ông đã đủ vinh quang rồi. Nhưng trời cho ông thiên hướng làm thơ, nên ông không yên ổn, không thỏa mãn với chức danh phó giáo sư, phó tiến sỹ. Vừa dạy học, vừa sáng tác, cái tên Nguyễn Xuân Thâm thường xuất hiện trên báo Văn Nghệ, báo Thông Nhất... Các buổi phát thanh văn nghệ của Đài Tiếng nói Việt Nam ngày ấy thường ngâm thơ của ông, cùng với thơ các nhà thơ Thái Giang, Trần Nhật Lam, Võ Văn Trực, Ngô Văn Phú, Vũ Quần Phương, Hoài Anh... tạo thành khuôn mặt thơ trẻ đa dạng của thủ đô Hà Nội. Bài thơ đầu tiên Nguyễn Xuân Thâm in trên báo Văn Nghệ năm 1960, là bài thơ *“Núi đá Cánh Diều”* mà bây giờ ông vẫn còn nhớ có câu thơ rất thật thà, mà chân tình Suốt đời tay đưa cao... Năm 1964, ông được Nhà xuất bản Văn Học cho in cùng Nguyễn Nhã tập thơ *“Đồng xanh”*, được nhà thơ Chế Lan Viên đánh giá: *là tập thơ có lắm bài hay, nhưng nào ai biết đến đâu.* (trích lời tựa tập *Thơ chống Mỹ cứu nước, 1965-1967*)

Thực ra, ông viết thơ và có thơ in báo rất sớm, Năm 1951, khi mới mười lăm tuổi, đang là học sinh trường Quốc học Huế, ông đã có hai bài thơ *“Hải Vân”* và *“Rừng chiều”* in trong giai phẩm *“Nhân loại”* phát hành tại Hà Nội. Tiếp đó có thơ trên báo *“Đời mới”* và *“Thắm mỹ”*. Năm 1953-1954 thường xuyên cộng tác với tuần báo *“Nhân loại”* do thi sỹ Đông Hồ và Mộng Tuyết chủ biên. Ngày đó, Nguyễn Xuân Thâm lấy bút danh là Dao Ca và Đỗ Hữu. Ngay khi mới xuất hiện, ông đã có những câu thơ được bạn viết cùng thời tán phục:

*Nắng ngút đường dài hoa gạo bay
Tôi người lữ khách, lạc sau ngày...*

Và:

*Người có theo tôi lên dốc nắng
Nhìn xem hoa rải sắc trên đường
Chiều nay gió thổi buồn ghê lắm
Lá đổ sau lưng một trận vàng.*

Những câu thơ tài hoa, phảng phát hồn khí thơ tiền chiến, đã ảnh hưởng nhiều tới lớp thanh niên học sinh ngày ấy. Năm 1954, sau chặng đường dài di chuyển từ Huế ra học trường Huỳnh Thúc Kháng (Nghệ An), rồi trường Đại học Bách khoa (Hà Nội), tâm hồn Nguyễn Xuân Thâm đã mở ra những miền cảm xúc khoáng đạt, đắm say mới. Bút danh Nguyễn Xuân Thâm, cũng chính

là tên thật, xuất hiện liên tục trên báo chí từ đây, đánh dấu một chặng đường sáng tác mới của ông.

Tôi hỏi ông, khi bút danh Dao Ca, Đỗ Hữu đã có một số tác phẩm đi vào tâm hồn bạn đọc, tại sao lại đổi tên mới, là Nguyễn Xuân Thâm? Có phải ông muốn đánh dấu một giai đoạn sáng tác chuyển biến của mình? Ông cười bảo, không có gì ghê gớm vậy đâu, mình lấy tên thật làm tên tác giả, với ý nghĩ giản dị, biết đâu đây, người nhà, người thân trong quê, có tình cờ đọc được, thì biết mình vẫn còn sống.

Thì ra, tuổi thơ của ông sớm phải ly quê. Sinh năm 1936 ở Vĩ Dạ (Huế), năm 1937 ông đã phải vào sống tỉnh lỵ Sông Cầu (Phú Yên). Mười tuổi, ông lại được trở về Huế. Năm mười tám tuổi lên chiến khu Hòa Mỹ, rồi được đưa ra Nghệ An học trường Huỳnh Thúc Kháng. Năm 1956, ông thi đỗ vào trường Đại học bách khoa, khóa 1. Cuộc đời ông được gắn bó với quê kiểng chẳng bao nhiêu, nhiều người trong quê nghĩ ông đã chết bởi bom đạn. Khi có người nhà tình cờ đọc được bài thơ ông in trên báo, thấy tên ông, mới kêu lên cho cả họ mạc biết là Nguyễn Xuân Thâm còn sống và còn làm thơ. Thì ra cái tên của nhà thơ, cũng thấm đẫm nước mắt của một thời đất nước loạn li, chia cắt.

Con đường thi ca của ông cũng có nhiều cơ duyên may mắn. Nhiều người còn nhớ năm 1964, báo *Lao Động* tổ chức cuộc thi thơ rất sôi động. Nhiều thế hệ cầm bút hăm hở gửi thơ dự thi. Đội ngũ chấm giải ngày ấy toàn là các nhà thơ cự phách, như Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận... Sau chuyến đi thực tế biển để phục vụ công trình khoa học của mình trở về, ông viết được chùm thơ thật tâm đắc. Chùm thơ ông gửi dự thi và liền được xét giải cao. Ngày ấy, người dự thi và người chấm giải rất khách quan và trong sáng; không có chuyện xin xỏ, mua bán giải như một số cuộc thi bây giờ. Nguyễn Xuân Thâm còn nhớ như in cái cảm giác sung sướng ngất ngây ngày đó. Đây là khi đang đi bộ trên hè phố gần ngôi nhà 51 Trần Hưng Đạo, thì tình cờ gặp nhà thơ Chế Lan Viên. Nhà thơ cự phách “Điều tàn” liền thông báo bài thơ “*Đảo con gián*” của Nguyễn Xuân Thâm được giải nhất. Nhà thơ còn nói rằng, cả hội đồng chấm thi đều nhất trí cho điểm cao và ông liền nói một câu tiếng Pháp *Chaque chose a sa place* (đại ý: mỗi vật có cái chỗ của nó!) Câu nói động viên của nhà thơ bậc thầy, đã khích lệ và an ủi Nguyễn Xuân Thâm rất nhiều trên con đường trập trùng gian khó để vươn tới bầu trời thi ca của mình.

*

* *

Chả biết có phải mấy năm đi làm chuyên gia giáo dục ở Ănggôla, xứ sở châu Phi nóng như lửa đốt và nhiều ruồi vàng châm da thịt như tiêm thuốc độc hại, đã ủ bệnh vào con người ông không, mà mấy năm sau ông phải chống đỡ với căn bệnh hiểm nghèo. Cuối năm 2000, trong một buổi gặp mặt anh em viết ở Hội Nhà Văn, ai nom thấy ông mà cũng ái ngại cho ông quá. Một bên má, bên cằm đùn lên từng khối u tấy đỏ. Khuôn mặt ông vẹo hẳn đi, giọng nói đã thất lạc. Đi xét nghiệm, thì hay ông bị ung thư vào giai đoạn cuối. Chấp nhận cái chết lừ lừ đến ư? Hay quyết tâm chống trả? Ai cũng ái ngại và có phần thất vọng. Vậy mà ông bình tĩnh, lặng lẽ chiến đấu với tử thần đến cơ hội cuối cùng. Ông chấp nhận mổ cắt đi nửa trên hàm trái, chiếu xạ gia tốc và dùng năm linh chi như một liệu pháp sinh tử. Không biết là cơ duyên hay bởi ý chí chiến đấu với cái chết quyết liệt của ông, một năm sau, tấm thân hình nhỏ bé xác xơ tàn tạ của ông, đã dần tỉnh táo lại. Những khối u trên cằm đã dần biến mất. Sự chiến thắng bệnh tật của ông, ai cũng bảo đó là nhờ sự sống quyết liệt và bền bỉ ở con người ông. Có người nói vui, là nhờ Thơ đã kéo ông qua cái chết. Tôi thấy phục ông hơn, những ngày chiến đấu quyết liệt với bệnh tật hiểm nghèo ấy, cũng là thời khắc ông âm thầm, quyết vắt trái tim ra những câu thơ quần quai thật mình. Ông đã viết, như viết chạy đua với cái chết. Tập thơ “Tìm trầm” của Nguyễn Xuân Thâm ra đời trong bối cảnh đặc biệt đó. Nó là tập thơ xuất sắc của ông và được giải thưởng của Hội Nhà Văn VN, năm 2002.

*Cũ này Hà Nội vào thu
Mây xa dừng bước phiêu du trở về
Ít vàng xao xác cuối đê
Ngưng xê dịch bỗng tái tê giữa ngày.*

Tôi bỗng chợt nhớ câu thơ trong tập thơ “Tìm trầm ” của ông. Tập thơ chứa chan cảm xúc khao khát sống và chứa chất nhiều suy tư trải nghiệm cuộc đời.

*

* *

Sau tập thơ “Tìm trầm”, năm 2003, ông cho ra mắt tập “*Thơ với tuổi thơ*” ở Nhà xuất bản Kim Đồng. Vậy là năm năm về trước, cũng Nhà xuất bản này, đã in cho ông tập thơ “*Con gà đất bảy màu*” và rồi tập thơ được trao giải thưởng văn học viết cho thiếu nhi.

Mấy năm gần đây, ông đã nghỉ hẳn công tác giảng dạy ở trường đại học. Ông dồn sức cho thi ca nhiều hơn. Hàng tuần, thấy ông thấp thoáng tới trụ sở Hội nhà văn. Vẫn dáng người thấp đậm, vẫn bước bộ hành chậm mà chắc, ông gặp gỡ người này người khác, câu chuyện duy nhất chỉ thấy bàn về thơ. Ông vẫn âm thầm viết. Năm 2009, ông cho xuất bản tập thơ “*Chợt nhớ sâu cảm*”. Vẫn những câu chữ đặc quánh cảm xúc. Viết về quê kiểng, thơ ông vẫn dồn lên nỗi niềm khắc khoải.

*Tôi trở về
Em khóc bên dòng sông
Chiều như bao chiều Huế
Mây bay trên những cửa thành*

(Bài nhớ)

Tôi nhớ một bài thơ ông viết về Sông Cầu, thị trấn tuổi thơ của ông, với những câu thơ nặng lòng.

*Đã thu
Sếu năm ngoái từ phương Bắc quay về
Bầy chim vừa bay vừa kêu
Tiếng kêu từ cái cổ dài rơi xuống.*

Vâng, hình tượng đàn sếu vừa bay vừa kêu ấy, làm tôi liên tưởng đến những nhà thơ lặn lội của tôi, dù trong cảnh ngộ nào, những thời khắc nào, câu thơ của họ vẫn vọt ra từ trái tim tìn yêu cuộc sống thiết tha. Hình như chỉ nói đến thơ, khuôn mặt ông mới tươi trẻ lại. Ông kể lại chuyến đi dự Hội nghị thơ thế giới Sóng ba biển (wave of three seas) tổ chức tại hòn đảo Rhodes của Hy Lạp, năm 1996. Chuyến đi ấy, ông đi cùng nhà thơ Thanh Tùng với niềm hào hứng khôn tả. Tôi lại nhớ cái buổi tiễn đưa Thanh Tùng từ nhà tôi lếch thếch xách va li đến nhà Nguyễn Xuân Thâm để cùng lên máy bay đi dự Hội nghị thơ thế giới. Thanh Tùng đập tay lên ngực mình, nói, hành lý Thơ đã chất đầy trong trái tim này. Tôi thấy Hội nhà văn khéo sắp xếp nhân sự chuyến đi ấy. Hai nhà thơ, mỗi người một cá tính. Thanh Tùng bùng bùng như lửa, còn Nguyễn Xuân Thâm thì lặng trầm như đất. Nhưng trước không khí tung bùng của cuộc tao ngộ thi ca thế giới, hai nhà thơ Việt Nam cùng say sưa đọc thơ tới khản giọng trước bạn thơ khắp hành tinh. Sứ mệnh nhà thơ, còn gì hạnh phúc hơn khi viết được những câu thơ thật mình, được đọc, được diễn đạt những vần thơ hết mình trước công chúng?!

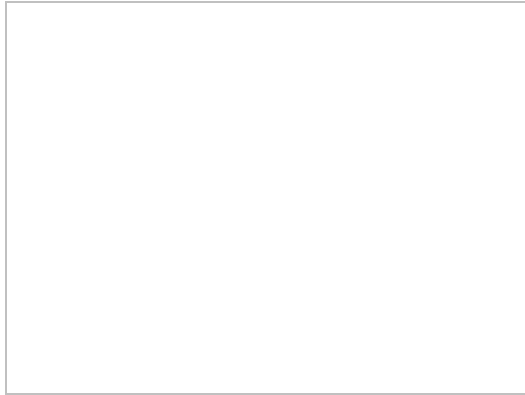
Trong niềm vui được gặp gỡ, trò chuyện cùng các nhà thơ bên bờ biển Địa

Trung Hải năm ấy, Nguyễn Xuân Thâm nhớ mãi cuộc gặp gỡ nhà thơ Blaga Dimitrôva. Nữ sĩ tài danh xinh đẹp của đất nước hoa hồng, đã hỏi thăm và kể rất nhiều kỷ niệm đẹp với các nhà thơ Việt Nam. Những năm đạn bom khốc liệt, bà đã nhiều lần đến và đặt trái tim mình ở Việt Nam. Ông hiểu, thơ đã bắc cầu cho con người trên trái đất gần lại với nhau hơn.

Vũ Từ Trang

(theo http://bichkhe.org/home.php?cat_id=147&id=2099)

Nhà thơ Đỗ Hữu là ai? (trích)



Phú Vinh và nhà thơ Đỗ Hữu

(...)

Có người nói rằng chỉ cần thưởng thức những áng thơ hay là đủ, nếu không biết tác giả là ai, bài thơ ra đời hồi lúc nào, cũng không sao; nhưng nếu biết thêm hai điều này thì quả thật thú vị.

Cuối tháng 2.2014, tôi và vợ trở lại Hà Nội, về thăm lại số 166 Bà Triệu sau gần 11 năm xa cách để thăm cậu mợ Thâm

Lúc này sức khoẻ của cậu giảm sút do nhiều lần chữa trị trọng bệnh, tuy vậy cậu vẫn còn minh mẫn lắm, còn làm thơ và thỉnh thoảng qua Hộ Nhà vẫn chơi. Trong lúc đàm đạo văn chương, cậu đã cung cấp điều mà tôi muốn biết về cậu.

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thâm sinh ngày 11.1.1936 tại thôn Vỹ Dạ. Học trung học tại trường Trung học Khải Định (nay là Trường Quốc). Ngoài việc đi học, ông còn viết báo và làm thơ. Từ năm 1951-1953 đã cộng tác với các báo *Nhân loại*, *Mới*, *Đời Mới*, *Tia nắng* với bút hiệu Dao Ca và Đỗ Hữu (Dao Ca ký ở các báo năm 1951-1953; Đỗ Hữu ký các báo năm 1953-1954).

Tham gia Cách mạng ngày 24.11.1953 tại Thừa Thiên và hoạt động tại Khe Tre thuộc chiến khu Hoà Mỹ. Với nhiệt huyết của tuổi trẻ, với tâm hồn phảng phất khí thơ tiền chiến, một chiều mùa đông lạnh giá của núi đồi và cảnh vật hoang vu tại Khe Tre, chiến khu Hoà Mỹ đã làm cho nhà thơ xúc cảm sáng tác bài *Sầu Ai Lao*. Lúc này, ở chiến khu đã có sự xuất hiện các cán

bộ chỉ viện từ miền Bắc vào, các anh kể về miền Việt Bắc với những làng bản, núi rừng hùng vĩ... nhà thơ tưởng tượng và sáng tác bài thơ *Chiều Việt Bắc* sau bài *Sầu Ai Lao*. Cả hai bài được làm trên tập vở trắng và được sáng tác trong một thời gian ngắn vào mùa đông năm 1953, lúc nhà thơ mới 17 tuổi. Theo lời nhà thơ, ông chưa bao giờ đến Việt Bắc và cũng chưa bao giờ biết nhà thơ Quang Dũng.

Năm 1956, Nguyễn Xuân Thâm là sinh viên khoá 1 tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

10.10.1959, ông được giữ lại làm cán bộ giảng dạy; từ năm 1957 đến 1960 viết cho Đài Tiếng nói Việt Nam.

Tháng 12.1958, gia nhập hội Những người viết báo Việt Nam.

Năm 1960, ông viết bài không lấy bút danh Dao Ca và Đỗ Hữu nữa mà lấy tên thật là Nguyễn Xuân Thâm. Tôi có hỏi về bút danh dùng tên thật của nhà thơ thì được nhà thơ trả lời: Tôi đi kháng chiến dùng tên thật biết đâu người nhà, người thân trong quê nghe Đài Tiếng nói Việt Nam tình cờ đọc được tác phẩm thì biết mình còn sống.

Những giải thưởng về văn thơ:

Giải nhất thơ báo *Lao Động* 1964 (bài *Đảo con gián*)

Giải B (không có giải A) tập thơ *Con gà đầy bảy màu*. NXB Kim Đồng 1998

Tập thơ *Tìm trầm* được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2002.

Năm 2001, ông nghỉ hưu lúc 65 tuổi sau hơn 40 năm làm công tác giảng dạy.

(...)

Tâm sự với tôi, nhà thơ nói: Cậu có thể làm rất nhiều thơ nhưng với ba bài *Sầu Ai Lao*, *Chiều Việt Bắc* và *Nắng ngút đường dài* là quá đủ cho một đời người (Tác giả cho biết *Nắng ngút đường dài* sáng tác giữa năm 1953 khi còn ở Huế).

Tôi xin chép lại nguyên văn ba bài thơ của Đỗ Hữu đã được tác giả chỉnh sửa:

Nắng ngút đường dài

Nắng ngút đường dài, hoa gạo bay,

Tôi người lữ khách, lạc sau ngày.
Đường xa nắng lửa, chiều hun hút,
Quán đứng lưng đèo, núi tiếp mây.

Thác đá sâu buông đường nắng trở,
Lưng trời khép chặt núi và mây,
Đèo cao gió thổi, chòi heo hút,
Dặm cũ chiều đi thương nhớ đây.

Nắng đỏ tràn lên trên lối cũ,
Đường dài hoa gạo đỏ rung rung.
Lá chàm bay lả trên vai rách,
Áo bạc hồng lên lớp bụi rừng.

Có phải hồn ngậy trong núi thăm?
Rừng chàm lá đỏ lối xanh tuôn.
Đi hui khói cỏ chiều ai đốt,
Ngày dựng cô liêu giữa xứ buồn.

Sầu Ai Lao

Đã lâu trắng cứ vàng hui hắt,
Mây cứ sầu tuôn núi võ vàng.
Lá vắn pha chàm trên sắc áo,
Mưa nguồn thác đổ đá mù sương.

Giữa ngày lạc lõng trên rừng rậm
Với nắng băng khuâng mấy thuở nào
Với núi xanh lơ, chòi tím nhạt
Hồn ngày chết ngất Ai Lao.

Lưng đèo quán gió mờ hun hút
Thôn bản nằm trơ dưới nắng chiều
Tai vẫn nghe đều dòng thác đổ
Người ơi, thương nhớ biết bao nhiêu!

Ở đây hơi đá chiều vây khắp,
Khép chặt mình tôi giữa núi rừng.
Buồn quá ngày đi, đêm trở lại,
Hoàng hôn hoa bản phấn rừng rung.

Người có theo tôi lên dốc nắng,
Nhìn xem hoa rải sắc trên đường.

*Chiều nay gió nổi buồn ghê lắm,
Lá đổ sau chân một trận vàng.*

Chiều Việt Bắc

*Nắng xuống phương nào người thấy không?
Mà đây chiều tím rặng song song
Vàng tuôn mấy lối ngày thu muộn,
Ai liệm hoàng hôn dưới đáy sông?*

*Khói thuốc lên mờ xanh bóng ai
Phương xa chiều xuống ngút sông dài
Đường kia có phải sâu xưa động?
Trở bước, hoa lau trắng ngập đồi.*

*Con đường đất đỏ mờ sau bản
Thung lũng vàng lơ, nắng trở chiều.
Núi biếc chập chùng vây ải lạnh
Dặm về lá đỏ phần tàn xiêu.*

*Rừng núi âm u chiều Việt Bắc
Chầy ngày lạc bước, ai ngồi than.
Buồn xưa chiều động sâu lau lách.
Chòi cũ nằm nghe gió dặm trường*

Phú Vinh

(Nguồn: Tạp chí Kiến thức ngày nay số 858, ngày 10.06.2014)

[1] Lời của Vũ Từ Trang: “Những câu thơ tài hoa, phóng phát hồn khí thơ tiền chiến, đã ảnh hưởng nhiều tới lớp thanh niên học sinh ngày ấy”. (Goldfish).

[2] Nhan đề do tôi tạm đặt. (Goldfish).